

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 02 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

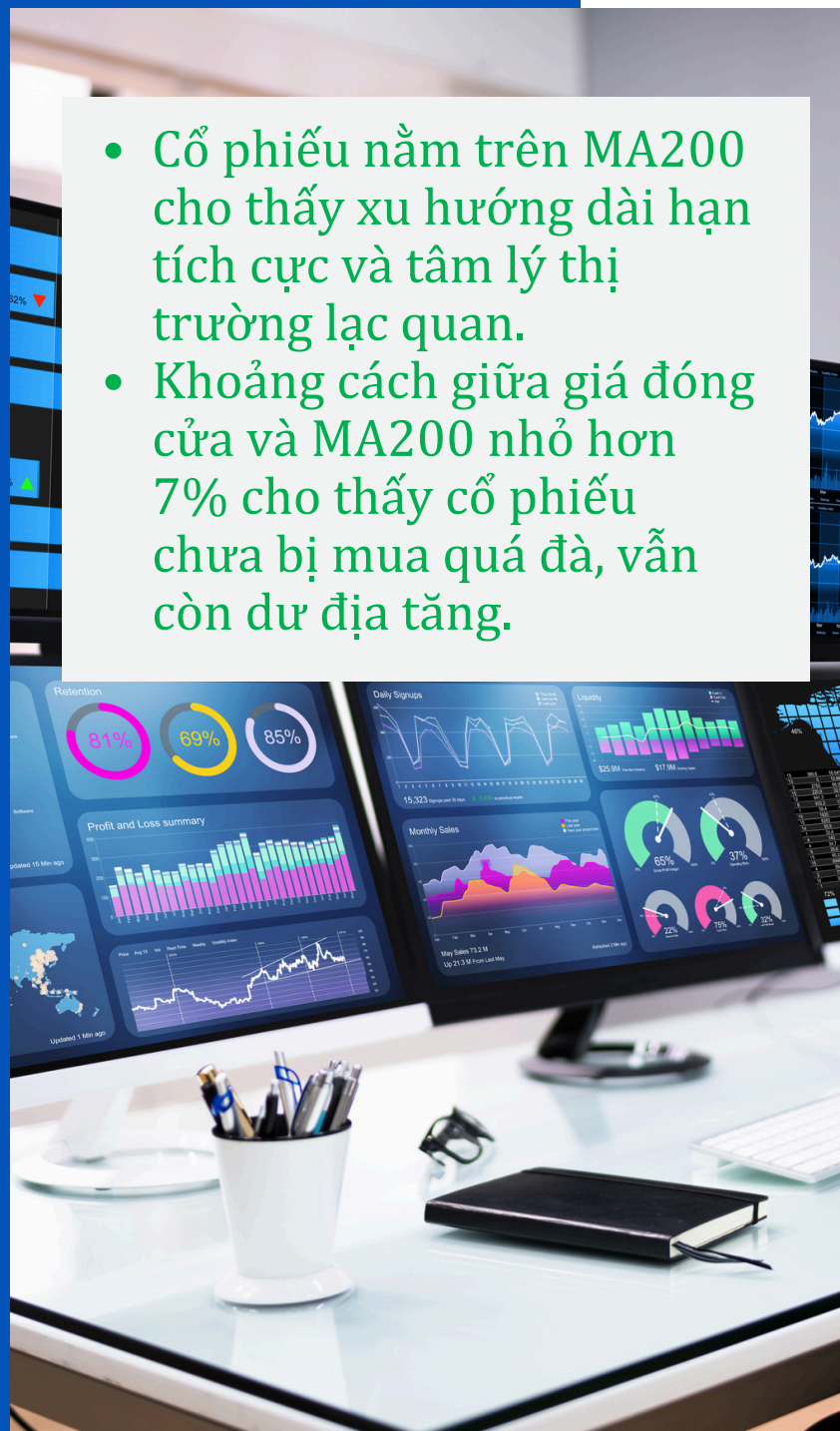


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SMC	01/04/2026	12.7	1.352.900	257.440	5.26
2	VPL	01/04/2026	83.9	2.375.500	689.007	3.45
3	ORS	01/04/2026	13.9	9.624.800	3.247.827	2.96
4	TNG	01/04/2026	24.1	7.845.100	2.813.187	2.79
5	DCL	01/04/2026	59.9	1.175.700	444.583	2.64
6	GEE	01/04/2026	207	2.116.100	989.727	2.14
7	VFS	01/04/2026	14.3	4.879.200	2.501.213	1.95
8	MBS	01/04/2026	24.5	12.045.300	6.588.020	1.83
9	TCO	01/04/2026	14	795.800	450.283	1.77
10	HHS	01/04/2026	13.3	4.739.600	2.683.940	1.77
11	VRE	01/04/2026	27.55	10.207.100	5.803.487	1.76
12	CTS	01/04/2026	28.1	1.523.900	891.977	1.71
13	HCM	01/04/2026	23.5	19.337.400	12.025.963	1.61
14	MIG	01/04/2026	20.2	615.900	386.097	1.6
15	FTS	01/04/2026	27.35	1.809.500	1.136.870	1.59
16	NTL	01/04/2026	16.25	857.000	583.240	1.47
17	VTP	01/04/2026	99.4	760.500	551.263	1.38
18	NLG	01/04/2026	29.85	5.707.400	4.185.933	1.36
19	GEG	01/04/2026	16.25	2.951.200	2.176.493	1.36
20	SHS	01/04/2026	17.5	23.775.000	17.640.686	1.35
21	EVF	01/04/2026	13.8	19.272.400	14.248.557	1.35
22	CII	01/04/2026	18.35	19.627.100	14.779.633	1.33
23	VGI	01/04/2026	95.3	1.445.600	1.098.963	1.32
24	EIB	01/04/2026	23.4	14.700.700	11.214.610	1.31
25	PDR	01/04/2026	16.25	13.526.500	10.380.327	1.3
26	VJC	01/04/2026	166.9	1.686.900	1.303.900	1.29
27	REE	01/04/2026	67.4	1.823.500	1.430.017	1.28



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CRC	01/04/2026	10.2	4.339.700	59.85	9.87	3.31
2	CTD	01/04/2026	84.2	899.610	53.55	79.15	6.38
3	CTG	01/04/2026	34.75	8.365.490	47.82	34.49	0.75
4	DGW	01/04/2026	46	1.899.500	53.12	43.63	5.42
5	DPR	01/04/2026	40.25	572.820	48.76	38.88	3.52
6	DRI	01/04/2026	12.8	584.270	48.82	12.51	2.35
7	GEG	01/04/2026	16.25	3.280.370	52.68	15.6	4.17
8	GVR	01/04/2026	32.5	4.182.820	46.14	30.61	6.18
9	HAG	01/04/2026	16.35	6.010.760	59.11	16.05	1.87
10	HDB	01/04/2026	25.6	14.383.740	48.17	24.12	6.12
11	HDG	01/04/2026	29	4.142.130	53.94	28.59	1.45
12	HPG	01/04/2026	27.15	33.445.260	53.36	26.77	1.4
13	HUT	01/04/2026	16.9	3.626.340	55.54	16.43	2.84
14	MBB	01/04/2026	26.5	15.924.700	50.74	24.83	6.72
15	MWG	01/04/2026	82.4	8.034.090	49.14	78.94	4.38
16	ORS	01/04/2026	13.9	3.034.070	56.69	13.18	5.46
17	PAC	01/04/2026	26.3	1.479.950	55.58	25	5.22
18	PAN	01/04/2026	31.85	1.226.150	55.74	30.36	4.91
19	PLX	01/04/2026	40.7	5.541.910	36.18	40.46	0.59
20	POW	01/04/2026	13.05	12.598.320	44.78	12.6	3.58
21	PPC	01/04/2026	10.4	1.348.560	48.19	10.28	1.18
22	QTP	01/04/2026	13.1	1.964.820	48.22	12.27	6.73
23	REE	01/04/2026	67.4	2.387.160	55.56	64.05	5.23
24	TTA	01/04/2026	11.8	1.353.770	54.94	11.11	6.22
25	VGT	01/04/2026	12.3	1.471.490	44.31	12.29	0.07
26	VHC	01/04/2026	58.9	562.040	48.14	57.41	2.59
27	VNM	01/04/2026	61.3	4.320.480	44.46	60.91	0.64
28	VPI	01/04/2026	58.4	2.106.440	53.83	55.81	4.63
29	VSC	01/04/2026	24.25	4.212.090	51.31	23.66	2.48





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	59.9	58.3	478.100
2	PET	51.3	50.7	1857700
3	TAL	46.1	46	265.840

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	8.6	8.4	1.163.530
2	HNM	8.3	8.1	276.540

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ADC	17.1	18	20.530
2	DST	7.8	7.9	46.040
3	GCF	18.3	21.4	123.740
4	SCG	62.3	62.8	22.940
5	SRF	6.94	6.95	34.330
6	VNS	8.28	8.3	25.670

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GCF	18.3	18.3	123.740
2	SCG	62.3	62.2	22.940
3	SRF	6.94	6.51	34.330
4	VNS	8.28	8.28	25.670



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DRI	12.8	12.51	584.270
2	ORS	13.9	13.18	3.034.070
3	PLX	40.7	40.46	5541910
4	VGT	12.3	12.29	1.471.490
5	VNM	61.3	60.91	4.320.480

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.8	23.8	11.902.870
2	HCM	23.5	22.96	12.953.830
3	HPG	27.15	27.06	33445260
4	LPB	42.4	42.07	1.472.920
5	ORS	13.9	13.5	3.034.070
6	VHM	110.2	104.44	3.575.260
7	VIB	17.2	17.15	5.120.190
8	VJC	166.9	166.81	1.340.210
9	VPL	83.9	83.74	747540

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	07.08	07.06	1.012.420
2	AAS	8.6	8.57	1.131.820
3	AGG	13	12.96	615170
4	AGR	14.9	14.71	522.750
5	ANV	23.85	23.47	957.460
7	CTS	28.1	27.31	867820
8	FTS	27.35	26.9	1022670
9	HAH	56.6	56.56	1303480
10	HVN	22.4	22.07	1507980
11	LPB	42.4	41.95	1472920
12	MBS	24.5	24.4	5507400
13	NKG	13.9	13.82	3837430
14	ORS	13.9	13.29	3034070
15	SAB	44.5	44.26	661610
16	SHS	17.5	16.64	17714470
17	VCI	27.35	26.67	12063660
18	VIC	141	140.38	4110020
19	VJC	166.9	156.35	1340210
20	VND	16.25	16.18	14941200
21	VPI	58.4	57.65	2106440
22	VRE	27.55	25.82	4744380
23	VSC	24.25	24.18	4212090

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DCM	45.3	46.6	6.012.990
2	EVF	13.8	13.88	12.583.720
3	PPC	10.4	10.49	1348560
4	TNG	24.1	24.44	2.700.730

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSR	26.3	27.38	19.622.200
2	DLG	2.88	2.92	1.610.970
3	PVD	34.8	34.88	5081940



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPT	01/04/2026	15.4	15.1	15.7	3.97	198,960
2	SJD	01/04/2026	14	13.7	14.25	04.01	74,320
3	VTZ	01/04/2026	20.2	19.7	20.6	4.57	1,199,540
4	SSB	01/04/2026	17	16.3	17.5	4.6	1,876,980
5	SBG	01/04/2026	11.6	11.35	11.9	4.85	23,660
6	SCG	01/04/2026	62.3	62.2	65.6	5.47	24,000
7	ODE	01/04/2026	45	43.8	46.3	5.71	17,540
8	MCM	01/04/2026	25.9	25	26.45	5.8	34,360
9	BAF	01/04/2026	35.05	33.5	35.5	5.97	1,765,840
10	VSH	01/04/2026	43.45	42	44.6	6.19	5,340
11	PRE	01/04/2026	22.8	21.3	22.8	07.04	7,640
12	OCB	01/04/2026	11.25	10.6	11.35	7.8	883,160
13	GDT	01/04/2026	19.1	18.75	20.2	7.73	9,140
14	MSB	01/04/2026	11.6	10.9	11.75	7.8	7,352,740
15	ADP	01/04/2026	23	22.4	24.2	8.4	8,000
16	VAB	01/04/2026	10.1	9.5	10.3	8.42	264,320
17	PGB	01/04/2026	12.1	11.5	12.5	8.7	10,760
18	CLH	01/04/2026	22.6	20.9	22.8	9.9	5,740
19	TBC	01/04/2026	35	34.7	37.9	9.22	5,420
20	TNH	01/04/2026	10.15	9.98	10.95	9.72	89,380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & TỰ doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009